

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1020/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước
tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030;

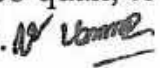
Căn cứ Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1441/SNV-CCHC&VTTLT ngày 03/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- BCĐ KHCN CDS CCHC ĐA06;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND

ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện tốt mục tiêu chung được đề ra tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 76/NQ-CP), cụ thể: “*Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*”;

- Gắn mục tiêu cải cách hành chính với việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Trong giai đoạn 2026-2030: Tỉnh Nghệ An phấn đấu thuộc nhóm 10 tỉnh dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); nhóm 15 tỉnh dẫn đầu về chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI).

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa để thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 76/NQ-CP;

- Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan của Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh nhận thức đầy đủ, xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên. Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính;

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong cải cách hành chính giai đoạn vừa qua, đồng thời chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để cải cách hành chính là khâu đột phá trong quản lý của tỉnh.

II. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; chú trọng các thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước, các cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh;

- 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ, đảm bảo chất lượng, khả thi và đúng tiến độ;

- 100% văn bản pháp luật được triển khai kịp thời, đúng quy định.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi pháp luật. Ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các sở, ngành, địa phương. Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, xử lý các vấn đề mới phát sinh. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức và cộng đồng trong việc phản biện và giám sát thực thi pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu

- Cải cách mạnh mẽ, có hiệu quả thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ, quy trình, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính. Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức nhằm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh;

- 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 80% trở lên;

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt trên 90%;

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%;

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.

b) Nhiệm vụ

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an,... và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn;

- Thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có. Cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất. Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hoá dựa trên dữ liệu;

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước;

- Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa các cấp và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý theo ngành, theo lãnh thổ, không để tình trạng kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà, tiêu cực, phiền hà cho người dân, tổ chức;

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định;

- Kịp thời công bố các danh mục thủ tục hành chính mới. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về quy trình giải quyết thủ tục hành chính;

- Tập trung đầu tư nguồn lực, nhân lực phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động;

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, xoá cơ chế "xin - cho", tăng trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm việc thực thi hiệu quả;

- Phân đầu đến năm 2030 mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt trên 90%.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các chương trình kế hoạch của tỉnh về thực hiện các nghị định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát, sắp xếp lại các đầu mối bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tiếp tục chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện và chuyển cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm;

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh

vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: y tế; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch;

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần;

- Ban hành quy định kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp;

- Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý nhà nước để nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trọng tâm vào các lĩnh vực: Tài chính - ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

- Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước;

- 100% cơ quan, đơn vị ở các cấp có cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định;

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ cấp tỉnh đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức;

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu;

- Đổi mới toàn diện công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, có tiêu chí, thông qua sản phẩm cụ thể, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện;

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu; đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững;

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị;

- Ngân sách nhà nước được cơ cấu lại, tăng dần tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển, tập trung ưu tiên giải quyết những nhiệm vụ kinh tế - xã hội quan trọng. Đảm bảo chính sách về tiền lương và an sinh xã hội, mức trợ cấp cho các đối tượng năm sau cao hơn năm trước.

b) Nhiệm vụ

- Chủ động tổ chức điều hành ngân sách gắn với định hướng phát triển kinh tế xã hội địa phương đảm bảo tính ổn định, bền vững của ngân sách địa phương trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, sự hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương; phấn đấu hoàn thành, hoàn thành vượt mức dự toán ngân sách được giao. Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính; Thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước tập trung, sử dụng hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công;

- Nghiêm túc thực hiện các quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước;

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ, trong đó, tập trung sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước thông qua công tác chấm điểm chỉ số tiết kiệm chi thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị;

- Thực hiện nghiêm túc Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Tăng cường công tác quản lý tài sản công; rà soát, tham mưu ban hành các quy định về tiêu chuẩn, định mức về tài sản làm cơ sở để kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Tăng cường rà soát và sắp xếp lại, xử lý nhà, đất nhằm quản lý và sử dụng các cơ sở nhà, đất trong toàn tỉnh tiết kiệm, hiệu quả; thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết (nếu có), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Tăng cường công tác quản lý giá; niêm yết giá, công khai giá; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định về giá theo thẩm quyền của địa phương, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về giá theo quy định hiện hành.

6. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Mục tiêu

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%;

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn;

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật);

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin, chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Rà soát, cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh trên cơ sở bản cập nhật kiến trúc Chính phủ điện tử;

- Phát triển hạ tầng truyền dẫn, hệ thống dữ liệu; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả. Phát triển hạ tầng Internet phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh. Xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích;

- Tập trung triển khai xây dựng mạng truyền số liệu chuyên dùng và hệ thống hội nghị truyền hình đến cấp xã và liên thông với Hệ thống hội nghị trực tuyến của Chính phủ phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của tỉnh;

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng, phát triển và hoàn thiện các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu lớn (cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, đất đai, cán bộ công chức, viên chức...) bảo đảm tính cấu trúc, hệ thống, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước. Thực hiện lộ trình chuyển đổi số; số hóa, xây dựng dữ liệu nền, cơ sở dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tạo lập kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội. Cung cấp danh sách dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức tích hợp, chia sẻ cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần; kết nối với các cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quốc gia;

- Đảm bảo duy trì ổn định, tăng cường hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các Trang thông tin điện tử của cơ quan hành chính nhà nước cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định;

- Phát triển nguồn nhân lực, xây dựng các giải pháp nhằm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng ứng dụng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc trong các lĩnh vực thông tin - truyền thông

và các ngành liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xây dựng hạ tầng chuyển đổi số;

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả phương án bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Giai đoạn 2026-2030, công tác cải cách hành chính của tỉnh triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó giải pháp đột phá là tập trung ưu tiên nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số một cách nhanh chóng, toàn diện trong toàn bộ các cơ quan, tổ chức ở các cấp, cụ thể:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, đôn đốc, kiểm tra thực hiện cải cách hành chính ở các cấp. Thực thi đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện cải cách hành chính với việc đánh giá hàng năm đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý, không giao trách nhiệm chỉ đạo cho cấp phó cơ quan, đơn vị; xây dựng kế hoạch cụ thể, sát đúng quy định và thực tiễn; tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

3. Nâng cao trách nhiệm, năng lực tham mưu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; của cơ quan, bộ phận thường trực cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính trong Kế hoạch; công chức tham mưu cải cách hành chính trong cơ quan, đơn vị.

4. Thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp tạo sự đồng thuận, chấp hành và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp, người dân, doanh nghiệp vào công tác cải cách hành chính.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan, đơn vị. Thực hiện các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; có cơ chế bãi, miễn, xử lý những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với Nhân dân. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

6. Thực hiện tốt công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chú trọng kiểm tra công vụ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và xử lý vi phạm.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số. Tập trung chuyển đổi số nhanh chóng, toàn diện trong toàn bộ cơ quan, tổ chức ở các cấp nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng phục vụ.

8. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính.

IV. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thuộc Kế hoạch này được bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm để triển khai thực hiện phù hợp yêu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo theo hướng dẫn của Sở Nội vụ;

- Chủ động chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công, bảo đảm chất lượng, tiến độ đề ra theo kế hoạch cải cách hành chính hàng năm;

- Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; sử dụng có hiệu quả Chỉ số cải cách hành chính để nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành cải cách hành chính tại các Sở, ngành, địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội;

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh tăng cường phối hợp, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành mình. Chủ động đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh để xóa bỏ các rào cản, giúp nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh.

2. Sở Nội vụ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 – 2030;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển

khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo quy định;

- Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc của các sở, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch;

- Chủ trì triển khai các nội dung chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ;

- Chủ trì triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước;

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính ở Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc; Ủy ban nhân dân các xã, phường;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính;

- Tham mưu tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2030.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

4. Sở Tư pháp

- Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế;

- Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công tác tổ chức thi hành pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng pháp luật trên nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ và gắn với khoán chi theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động;

5. Sở Tài chính

- Chủ trì tổng hợp việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, theo dõi, tổng hợp các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh;

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc trách nhiệm đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì triển khai nội dung xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số;

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Trục liên thông văn bản quốc gia;

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Công an tỉnh

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Nghệ An; theo dõi, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các sở, ban, ngành, địa phương trong triển khai, thực hiện;

- Tiếp tục chỉ đạo Công an các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý cư trú, cấp Căn cước, thu thập, cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu dân cư, đảm bảo thông tin công dân “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ chia sẻ, kết nối, làm sạch dữ liệu chuyên ngành, tạo tiền đề trong việc phát triển Công dân số trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục tuyên truyền vận động người dân đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai hiệu quả các tiện ích trên ứng dụng VNeID.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở, ban, ngành, địa phương

- Đổi mới, đa dạng hóa các chuyên đề, tin tức cải cách hành chính hàng tuần; chủ động phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan để kịp thời cập nhật tin tức về công tác cải cách hành chính;

- Nâng cao hơn nữa chất lượng chuyên trang, chuyên đề cải cách hành chính; kịp thời đưa tin tức, ý kiến của người dân về cải cách hành chính; nêu gương điển hình tập thể, cá nhân trong thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh;

- Nghiên cứu sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như mạng xã hội, đường dây nóng, email... tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân có thể tương tác trực tiếp, tuyên truyền hiệu quả về cải cách hành chính./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1	Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức, hành động và trách nhiệm trong toàn hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp và xã hội	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Nội vụ; Báo và PTTH tỉnh; Cổng/Trang thông tin điện tử tỉnh, địa phương	Chuyên trang, Chuyên mục, Bản tin; Các Cuộc thi	Thường xuyên
2	Đổi mới công tác theo dõi, đánh giá kết quả, xếp hạng cải cách hành chính dựa trên ứng dụng phần mềm chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường"	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Quyết định xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính	Hàng năm
3	Triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Báo cáo kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính	Hàng năm
4	Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Các lớp tập huấn; Tổ chức học tập, trao đổi về cải cách hành	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
				chính	
5	Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo kế hoạch hàng năm; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Các báo cáo kết quả kiểm tra; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện.	Thường xuyên
6	Phát động các đợt đề xuất sáng kiến kinh nghiệm, đổi mới sáng tạo trong công tác cải cách hành chính của tỉnh	- Sở Nội vụ - Sở KHCN	Các Sở, ngành, địa phương	Quyết định của UBND tỉnh về các sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh về CCHC	Hàng năm
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành, địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
2	Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Các Sở, ngành, địa phương	Sở Tư pháp	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	Thường xuyên
3	Thực hiện hiệu quả công tác Phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thông dự thảo chính sách thông qua nội dung chuyển đổi số.	- Sở Tư pháp - Các Sở, ngành, địa	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh; Cổng/	Xây dựng các nền tảng/ứng dụng phổ biến	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
		phương	Trang thông tin	giáo dục pháp luật và truyền thông dự thảo chính sách.	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	Kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	- Sở Tư pháp - Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương	Các kết quả thẩm định, đánh giá tác động TTHC	Thường xuyên
2	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các Sở, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Các quyết định phê duyệt; - Các văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung để thực thi.	Thường xuyên
3	Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 và các quy định khác có liên quan	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành, địa phương	Các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ	2026 - 2030
4	Hoàn thiện các quy định pháp luật và triển khai có hiệu quả việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính	Các Sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Các quy định được ban hành; vướng	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
				mắc được tháo gỡ.	
5	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Các Sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật	Thường xuyên
6	Rà soát, hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản, báo cáo,..	Thường xuyên
7	Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp	- Sở Nội vụ, - Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương	Báo cáo kết quả kiểm tra	Theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất
8	Thực hiện rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	Các Sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Số liệu TTHC được cắt giảm, đơn giản hóa	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
9	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng “ <i>Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiều, tiêu cực</i> ”	Các Sở, ngành	Sở Nội vụ	- Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành - Văn bản phân cấp phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính	2026-2030
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành cấp tỉnh. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.	Các Sở, ngành	Sở Nội vụ	Các Quyết định của UBND tỉnh	Thường xuyên
2	Rà soát, sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ công chức cấp xã, đẩy mạnh kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động	Các địa phương	- Sở Nội vụ - Các Sở, ngành quan có liên quan	Các Quyết định của UBND tỉnh	Thường xuyên
3	Giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh đề vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả	Các Sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Các văn bản triển khai, báo cáo kết quả định kỳ	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
4	Sơ kết việc triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo sơ kết	Theo yêu cầu
5	Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả	Sở Nội vụ và các Sở, ngành liên quan	Các Sở, ngành, địa phương	Số lượng cơ quan, đơn vị được sắp xếp	2026 - 2030
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Quyết định	Theo quy định
2	Đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Chương trình, tài liệu	2026 - 2030
3	Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ cơ bản, phục vụ chuyển đổi số quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Các lớp tập huấn, bồi dưỡng	2026 - 2030
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản	Các Sở,	Sở Tài chính	Các văn bản,	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đặc biệt là việc sắp xếp, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	ngành, địa phương		báo cáo; các văn bản đôn đốc, kiểm tra	
2	Rà soát, bố trí đủ kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và những nơi hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Tài chính	Kinh phí được bố trí đủ Cơ sở vật chất được nâng cấp, trang bị	Thường xuyên
3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo,...	Sở Tài chính	Các Sở, ngành liên quan.	Các Văn bản hướng dẫn	2026 - 2030
4	Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình doanh nghiệp; tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên	Các Sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính; Sở Nội vụ.	Phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	Tiếp tục triển khai 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ chuyển đổi số của tỉnh	Các Sở, ngành	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Công an tỉnh.	Hoàn thành các CSDL dùng chung	Theo lộ trình đã phê duyệt
2	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, thuế, hải quan	Các Sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Hoàn thành, khai thác sử dụng	Thường xuyên
3	Phối hợp hoàn thiện, nâng cấp trực liên thông văn bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, các Sở, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương	Hoàn thành, khai thác sử dụng	2026 - 2030
4	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh và các Sở, ngành, địa phương	- Văn phòng UBND tỉnh - Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương	Hoàn thành, khai thác sử dụng	2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN